

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH ĐẮK LẮK**  
Bản án số:60/2023/HSPT  
Ngày 16 - 3 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thuấn.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Huồn và Ông Văn Công Dân.

**- Thư ký phiên tòa:** Nguyễn Năng Quân - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16/03/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2023/HSPT, ngày 02 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo Nguyễn Thị X về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và bị cáo Trương Thị S về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST, ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. Nguyễn Thị X**, sinh ngày 28/12/1983, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: TDP 5, phường An B2, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Kinh doanh bất động sản; trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1957 và bà Lê Thị K, sinh năm 1960; Chồng Ngô Trọng H, sinh năm 1978 (đã ly hôn); Bị cáo có 04 người con: Con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/8/2022. Có mặt.

**2. Trương Thị S**, sinh ngày 05/6/1974, tại: tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn 10, xã Hòa K1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Đức L và bà Nguyễn Thị D (đều đã chết);

Chồng Nguyễn Xuân Kh, sinh năm 1970; Bị cáo có 02 người con: Con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/9/2022. Vắng mặt

*-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị L. Địa chỉ TDP 10, thị trấn Đ, huyện Đắk M, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

2. Bà Trần Nguyễn Như Ng. Địa chỉ 189 Lê Quý Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị X là người kinh doanh bất động sản. Khoảng đầu tháng 6/2021, thông qua các mối làm ăn, X biết chị Trần Nguyễn Như Ng, có thửa đất số 8, tờ bản đồ số 5, diện tích 9.415 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đang cần bán, do đó X liên hệ với chị Ng để trao đổi về giá cả thì chị Ng đồng ý bán với số tiền 3.500.000.000 đồng. Do không đủ tiền mua nên X đi tìm người góp vốn mua chung. Sau đó, X trao đổi với Trương Thị S để tìm người góp vốn mua chung, nhưng S cũng không có tiền nên S liên hệ với bà Tống Thị Th, sau đó Th liên hệ trao đổi với bà Lê Thị L hỏi có góp vốn mua chung thửa đất trên của chị Ng thì bà L đồng ý.

Sau đó vào sáng ngày 20/8/2021, Sen thuê Nguyễn Văn V, chở S và X đến huyện huyện KP để gặp bà Th và bà L. Tại đây, X cung cấp thông tin về thửa đất của chị Ng thì bà L đồng ý góp vốn để mua chung. Khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, anh V chở X và S anh Q (không rõ nhân thân, lai lịch), chở bà Th và bà L đến thị xã B1 để xem đất. Khi đến thị xã B1, tất cả ghé vào quán cà phê Heaven thuộc phường Thiện An, thị xã B1 để uống cà phê tại đây X, S, bà Th và bà L ngồi chung bàn để bàn bạc việc mua đất còn anh V và Q ngồi ở bàn khác không tham gia. X và bà L thống nhất với nhau X góp 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), bà L góp 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) để mua thửa đất nêu trên của chị Ng. Số tiền 2.800.000.000 đồng (*Hai tỷ, tám trăm triệu đồng*) còn lại X sẽ có trách nhiệm tìm người để góp vốn tiếp, X hẹn bà L khoảng 10 ngày sau sẽ gom đủ tiền và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị Ng.

Ngoài ra, X cũng nói với bà L sau khi mua được đất của chị Ng thì bán lại với giá 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng*) và X sẽ trả lại cho bà L số tiền

500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) tiền góp và chia cho bà L 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), tiền lời. Thống nhất xong cả nhóm đi xem đất tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, sau đó quay về lại quán H, tại đây, bà L và X viết giấy tay cam kết thỏa thuận góp vốn chung. Tuy nhiên, bà L không đồng ý mà yêu cầu phải có hợp đồng đặt cọc có công chứng thì bà L mới giao tiền cho X. Nghe vậy, X cùng S đi ra phía ngoài quán cà phê thống nhất làm một hợp đồng đặt cọc giả để bà L tin tưởng giao tiền cho X để X đi đặt cọc cho chị Ng. Bàn bạc xong X nhờ anh V chở đến Văn phòng môi giới bất động sản Hoàng Hà, tại 16 Lê Hồng Phong, TDP 3, phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk, do anh Phạm Thanh C, làm chủ văn phòng nhờ anh C làm một hợp đồng đặt cọc được công chứng tại huyện KP. Lúc này do đang trong thời kỳ phòng chống dịch bệnh Covid -19 và bản thân không quen ai bên huyện KP nên anh C từ chối. Cùng lúc này, có một nam thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch đến Văn phòng của anh C để liên hệ công việc, nghe anh C và X nói chuyện với nhau thì nam thanh niên này đề cập với X để người này làm giúp, còn anh C đi vào bên trong xử lý việc cá nhân. X và nam thanh niên này thỏa thuận làm hợp đồng đặt cọc với nội dung là chị Trần Nguyễn Như Ng đồng ý chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị L, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 5, diện tích 9.415 m<sup>2</sup>, địa chỉ xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giá tiền chuyển nhượng là 3.500.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*); nhận tiền đặt cọc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), số tiền còn lại 2.800.000.000 đồng (*Hai tỷ tám trăm triệu đồng*) bên mua giao đủ khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng; đồng thời, X yêu cầu nam thanh niên này làm giả công chứng của Phòng Công chứng số 2 thuộc huyện KP, tỉnh Đắk Lắk và Lời chứng của Công chứng viên Phan Hữu Th, thỏa thuận xong X trả cho nam thanh niên này 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm ngàn đồng*) tiền công rồi đi về lại quán cà phê Heaven. Lúc này con của X bị đau răng nên X lấy xe mô tô của chị Đàm Thị Ph (là bạn của X) đi về chở con gái đi khám. Sau khi khám cho con, X quay lại quán cà phê Heaven, đang đi trên đường thì chị Ph gọi điện thông báo cho X biết mọi người đã đi đến nhà cộng đồng buôn Tring, thuộc phường A, thị xã B1, thì Xuân đi xe mô tô đến nhà cộng đồng Buôn Tring, lúc này khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày. Đến nơi X điện thoại cho nam thanh niên để lấy hợp đồng đặt cọc thì người này nói đến khu vực gần Bệnh viện Hòa Bình thuộc phường Thiện An, thị xã B1 để nhận hợp đồng, nghe vậy X nhờ anh V chở đến khu vực đã hẹn để lấy hợp đồng đặt cọc. Khi nhận được hợp đồng đặt cọc giả từ nam thanh niên đã có Lời chứng của Công chứng viên Phan Hữu Th và con dấu của Phòng Công chứng số 2, nhưng còn thiếu chữ ký của chủ đất là chị Trần Nguyễn Như Ng, nên X điện thoại nói với S đi ra phía sau nhà cộng đồng và đưa hợp đồng đặt cọc để Sen ký giả chữ ký của chị Ng thì S đồng ý, sau

đó S ghi “tôi đã đọc và đồng ý”, rồi ký bên dưới sau đó dùng ngón trỏ tay phải điểm chỉ vào hợp đồng rồi đi bộ vào nhà cộng đồng còn anh V chở X đi vòng ra đường chính để đi đến nhà cộng đồng sau. Đến nhà cộng đồng X lấy hợp đồng đặt cọc giả đưa cho bà L, rồi bà L đưa 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) tiền đặt cọc cho X. Nhận được tiền thì X cho bà Th mượn 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), cho S mượn 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Số tiền còn lại 480.000.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*) X mang về nhà. Ngày 23/8/2021 X liên hệ với chị Ng để đặt cọc tiền mua đất, tuy nhiên do thửa đất đang thế chấp ngân hàng nên chị Ng chỉ đồng ý nhận cọc số tiền 100.000.000 đồng, nên X nhờ Đàm Thị Ph chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Phi Y, sinh năm 1986, trú tại phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk (là em ruột của Ng) 100.000.000đ tiền để đặt cọc. Còn lại số tiền 380.000.000 đồng, Xuân sử dụng vào mục đích cá nhân. Do X không mua được đất như thỏa thuận và cũng không trả lại số tiền đã nhận cọc nên bà L đã làm đơn tố cáo X đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã thu giữ 01 Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/8/2021 giữa bà Lê Thị L, sinh năm 1965, trú tại Thị trấn Đắk M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và bà Trần Nguyễn Như Ng, sinh năm: 1982, trú tại phường Tân A1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là vật chứng liên quan đến vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ cùng với hồ sơ vụ án.

Bản kết luận giám định số 225/KL-PC09, ngày 08/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký mang tên Phan Hữu Th1 trên Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/8/2021 so với chữ ký của Phan Hữu Th1 không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ xx – SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐẮK LẮK” trên Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/8/2021 được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Bản kết luận giám định số 413/KL-KTHS, ngày 09/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết “tôi đã đọc và đồng ý”; chữ ký, chữ viết ghi tên Trần Nguyễn Như Ng trong Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/08/2021 với chữ viết, chữ ký của Trương Thị S ký là do một người ký, viết ra.

Dấu vân tay dưới mục “bên nhận đặt cọc” trong Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/8/2021 so với dấu vân tay ngón trỏ phải của Trương Thị S là dấu vân tay của cùng một người.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST, ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk, đã Quyết định:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và bị cáo Trương Thị S phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”

Căn cứ khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị X 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị S 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 05/12/2022 bị cáo Trương Thị S kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/12/2022 bị cáo Nguyễn Thị X kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị X về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Thị S có đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự như bị cáo Nguyễn Thị X, nhưng cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo Trương Thị S về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là thiếu sót, chưa đúng với bản chất, nội dung vụ án. Mặc dù, cấp sơ thẩm có sự thiếu sót nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án, cũng như về hình phạt đối với bị cáo Trương Thị S, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tại cấp phúc thẩm bị cáo X không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, còn bị cáo S cung cấp thêm tình tiết bị cáo có cha là ông Trương Đức L là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, nhưng hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị X và bị

cáo Trương Thị S. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST, ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Thị X không tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Trương Thị S có đơn xin hoãn phiên tòa vì đang điều trị bệnh rối loạn tiền đình và một số bệnh khác, nhưng không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo Trương Thị S.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Vào ngày 20/8/2021 tại phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk, thông qua một người thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch mà Nguyễn Thị X gặp tại số nhà 16 Lê Hồng Phong, TDP 3, phường A, thị xã B1 nhờ người này làm 01 hợp đồng đặt cọc giả, được công chứng tại phòng công chứng số 02 huyện KP, tỉnh Đắk Lắk giữa bên đặt cọc bà Lê Thị L với bên nhận cọc Trần Nguyễn Như Ng, rồi X đưa cho Trương Thị S để giả chữ ký của chị Ng. Mặc dù, biết hợp đồng này là giả nhưng S vẫn giả chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của chị Ng rồi đưa lại cho X. Sau khi hoàn tất hợp đồng đặt cọc giả này X một mình sử dụng để giao dịch với bà Lê Thị L, nhận đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) từ bà L. Xét lời khai nhận của các bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị X về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Công an tỉnh Đắk Lắk đã có Bản sơ kết điều tra số 16/CSHS ngày 07/6/2022 xác định nội dung bà Lê Thị L tố cáo Nguyễn Thị X, lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc góp vốn mua đất không có dấu hiệu tội phạm. Tuy nhiên, không nhận định hành vi này trong Kết luận

điều tra, Cáo trạng, cũng như Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định trong bản án là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trương Thị S có đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự như bị cáo Nguyễn Thị X, nhưng cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo Trương Thị S về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là thiếu sót, chưa đúng với bản chất, nội dung vụ án. Mặc dù, cấp sơ thẩm có sự thiếu sót nhưng không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án, cũng như về hình phạt đối với bị cáo Trương Thị S.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Thị S và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị X Hội đồng xét xử thấy rằng: Mức hình phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Thị X và mức án 01 (Một) năm tù đối với bị cáo Trương Thị S mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo X không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Còn bị cáo S cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có cha là ông Trương Đức L là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, nhưng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo X và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo S. Nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự - Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 38/2022/HSST, ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị X và Trương Thị S. Giữ

nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST, ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị X 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị S 01 (Một) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

[3]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị X và bị cáo Trương Thị S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã B1;
- Công an thị xã B1;
- VKSND thị xã B1;
- Sở Tư Pháp;
- THA hình sự thị xã B1;
- THADS thị xã B1;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ.
- Công thông tin điện tử Tòa án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Duy Thuận**